TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 24/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 464/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1976, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1979, (vắng mặt);

Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1986, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 28/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:***

Anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Thùy L là chủ hụi của nhiều dây hụi, bà có tham gia góp hụi do anh P và chị L làm đầu thảo, cụ thể:

- Dây hụi 1: Khui ngày 25/6/2019 (âm lịch), một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 28 phần, bà tham gia góp 01 phần. Hình thức chơi hụi là đến ngày khui hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hụi, còn hụi viên nào hốt hụi rồi thì mỗi tháng phải đóng hụi chết là 1.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt được hụi thì phải trả tiền huê hồng cho anh P, chị L là 200.000 đồng. Trong dây hụi này, bà đã góp được 08 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 9 thì anh P, bà L

bị vỡ hụi. Như vậy, anh P, chị L còn nợ lại bà số tiền hụi là 01 phần x 08 kỳ x 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 200.000 đồng, còn lại 7.800.000 đồng.

- Dây hụi 2: Khui ngày 10/10/2018 (âm lịch), một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 30 phần, bà tham gia góp 02 phần. Hình thức chơi hụi là đến ngày khui hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hụi, còn hụi viên nào hốt hụi rồi thì mỗi tháng phải đóng hụi chết là 1.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt được hụi thì phải trả tiền huê hồng cho anh P, chị L là 200.000 đồng. Trong dây hụi này, bà đã góp được 17 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 18 thì anh P, bà L bị vỡ hụi. Như vậy, anh P, chị L còn nợ lại bà số tiền hụi là 02 phần x 17 kỳ x 1.000.000 đồng = 34.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 400.000 đồng, còn lại 33.600.000 đồng.

- Dây hụi 3: Khui ngày 10/01/2019 (âm lịch), một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 30 phần, bà tham gia góp 02 phần. Hình thức chơi hụi là đến ngày khui hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hụi, còn hụi viên nào hốt hụi rồi thì mỗi tháng phải đóng hụi chết là 1.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt được hụi thì phải trả tiền huê hồng cho anh P, chị L là 200.000 đồng. Trong dây hụi này, bà đã góp được 14 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 15 thì anh P, bà L bị vỡ hụi. Như vậy, anh P, chị L còn nợ lại bà số tiền hụi là 02 phần x 14 kỳ x 1.000.000 đồng = 28.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 400.000 đồng, còn lại 27.600.000 đồng.

Dây hụi 4: Khui ngày 30/8/2019 (âm lịch), hụi mùa, giá trị mỗi phần là 3.000.000 đồng, dây hụi gồm 17 phần, bà tham gia góp 01 phần. Hình thức chơi hụi là đến ngày khui hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hụi, còn hụi viên nào hốt hụi rồi thì mỗi mùa phải đóng hụi chết là 3.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt được hụi thì phải trả tiền huê hồng cho anh P, chị L là 500.000 đồng. Trong dây hụi này, bà đã góp được 03 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 04 thì anh P, chị L bị vỡ hụi. Như vậy, anh P, chị L còn nợ lại bà số tiền hụi là 01 phần x 03 kỳ x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 500.000 đồng, còn lại 8.500.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi trên, anh P, chị L còn nợ bà số tiền là 77.500.000 đồng. Sau đó, chị L, anh P có trả cho bà 21.500.000 đồng, còn lại 56.000.000 đồng. Từ năm 2021 đến nay, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu anh P và chị L trả số tiền này cho bà nhưng anh P và chị L cứ hứa hẹn nhiều lần nhằm kéo dài thời gian. Nay bà yêu cầu anh P và chị L phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 56.000.000 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực P luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T cung cấp các giấy xác nhận của các hụi viên gồm: Chị Nguyễn Thị N, chị Đặng Thị Hồng N, chị Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị H, chị Nguyễn Thị N, chị Lê Thị D, chị Nguyễn Thị V.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo,

thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh P, chị L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn chị L, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Thùy L trả số tiền hụi là 56.000.000, chị L và anh P có địa chỉ tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ P luật là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc tham gia góp hụi giữa bà T với anh P, chị L có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái P luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định P luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi bà T là hụi viên tham gia chơi hụi do anh P, chị L làm chủ hụi. Bà T đã góp các phần hụi đầy đủ nhưng anh P và chị L ngưng không khui hụi và tuyên bố vỡ hụi. Tại các giấy xác nhận của những hụi viên cùng tham gia hợp đồng góp hụi với anh P, chị L đều xác nhận việc bà T tham gia góp 04 dây hụi do anh P, chị L làm đầu thảo và bà T vẫn là hụi viên chưa hốt hụi, cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và bà Trần Thị V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà T có tham gia chơi dây hụi khui ngày 25/6/2019 (âm lịch) do anh P và chị L làm đầu thảo, một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 28 phần, bà tham gia góp 01 phần và là hụi viên còn sống (chưa hốt hụi). Dây hụi này đã khui được 08 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 9 (ngày 03/3/2020 âm lịch) thì anh P, chị L bị vỡ hụi.

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và bà Trần Thị V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà T có tham gia chơi dây hụi khui ngày 10/10/2018 (âm lịch) do anh P và chị L làm đầu thảo, một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 30 phần, bà tham gia góp 02 phần và là hụi viên còn sống (chưa hốt hụi). Dây hụi này đã khui được 17 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 18 (ngày 03/3/2020 âm lịch) thì anh P, chị L bị vỡ hụi.

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà T có tham gia chơi dây hụi khui ngày 10/01/2019 (âm lịch) do anh P và chị L làm đầu thảo, một tháng khui một lần, giá trị mỗi phần là 1.000.000 đồng, dây hụi gồm 30 phần, bà tham gia góp 02 phần và là hụi viên còn sống (chưa hốt hụi). Dây hụi này đã khui được 14 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 15 (ngày 03/3/2020 âm lịch) thì anh P, chị L bị vỡ hụi.

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà T có tham gia chơi dây hụi khui ngày 30/8/2019 (âm lịch) do anh P và chị L làm đầu thảo, dây hụi mùa, giá trị mỗi phần là 3.000.000 đồng, dây hụi gồm 17 phần, bà tham gia góp 01 phần và là hụi viên còn sống (chưa hốt hụi). Dây hụi này đã khui được 03 kỳ hụi, đến kỳ hụi thứ 04 (ngày 03/3/2020 âm lịch) thì anh P, chị L bị vỡ hụi.

Như vậy, các xác nhận trên đều phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian diễn ra các dây hụi, kỳ mở hụi, giá trị mỗi phần hụi, số các hụi viên tham gia, các phần hụi mà nguyên đơn tham gia. Đến thời điểm anh P, chị L bể hụi thì bà T vẫn là hụi viên chưa hốt hụi và đã thực hiện việc đóng các kỳ hụi cho anh P, chị L. Từ đó, cho thấy chị L và anh P đã đơn phương chấm dứt hợp đồng góp hụi vào thời điểm ngày 03/3/2020 âm lịch. Theo quy định tại khoản 3 Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện. Trong giao dịch góp hụi nói trên, bà T là hụi viên đã thực hiện góp hụi theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Vì vậy, bà T yêu cầu anh P, chị L hoàn trả lại số tiền đã góp hụi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị Nguyễn Thị N, chị Đặng Thị Hồng N, chị Trần Thị V, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị H, chị Nguyễn Thị N, chị Lê Thị D, chị

Nguyễn Thị V đều xác nhận anh P và chị L cùng làm đầu thảo các dây hụi mà bà T khởi kiện. Tại các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự vào năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, chị L và anh P đều thống nhất cùng liên đới trả tiền hụi cho các hụi viên tham gia chơi hụi. Điều này chứng minh giao dịch góp hụi có sự tham gia của anh P. Đồng thời, phía nguyên đơn cho rằng chị L và anh P tham gia hụi nhằm phục vụ nhu cầu chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, số tiền nợ hụi trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định số tiền nợ hụi này là nợ chung của anh P và chị L.

Tòa án đã triệu tập anh P, chị L hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng anh P, chị L không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc anh P, chị L phải trả cho bà T số tiền hụi là 56.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực P luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

1. Buộc chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn P phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền 56.000.000 đ (Năm mươi sáu triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực P luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn P phải chịu 2.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Phạm Thị T số tiền 1.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016673 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh